| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 417/2019/DS-PT
Ngày: 13/11/2019
V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Ông Bùi Văn Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 tháng 10 và 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 374/2019/QĐ-PT ngày 18/9/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 399/QĐPT-DS ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Khưu Thị M (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Khưu Thị M:

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp.

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp B, TT. C, huyện C, tỉnh An Giang.

1.3. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975;

1.4. Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1969;

1.5. Chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các đương sự Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị H là anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975;

2. Bị đơn: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, L, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H1: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện L, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975;

3.2. Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1969;

3.3. Chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1973;

3.4. Chị Phan Thị Mỹ L1, sinh năm 1980;

3.5.Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các đương sự Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Tuyết V, Phan Thị Mỹ L1, Nguyễn Thành T1 là anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, L, Đồng Tháp.

3.6. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 306 ấp A, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà T2: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số 78, ấp Vĩnh Phú, xã B Thành, huyện L, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: anh Nguyễn Thanh B là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn.

(Có mặt: Anh B, anh Đ, bà L. Riêng bà L vắng mặt phiên tòa ngày 13/11/2019).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Anh Nguyễn Thanh B cùng đại diện cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Khưu Thị M trình bày:*

Bà Khưu Thị M đang đứng tên quyền sử dụng đất 02 thửa đất số 185d diện tích được cấp là 780m$^2$ đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 185c, diện tích được

cấp là 61m$^2$ đất Ao, cả 02 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 03a có ranh liền kề với thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a (thửa mới 33, tờ bản đồ số 12) của bà H1.

Nguồn gốc thửa đất số 185c của bà H1 trước đây là của bà M chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà Đoàn Thị D vào năm 1986, có chiều ngang 4m, dài 10m, với giá 02 chỉ vàng, có làm giấy tay, bà M đã giao đất cho vợ chồng ông Q quản lý, sử dụng; sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông Q sử dụng không được bao lâu thì ông Q chuyển nhượng lại cho bà H1 (Đúng chiều ngang 4m, dài 10m ông Q đã nhận chuyển nhượng từ bà M). Trong quá trình sử dụng đến 26/6/2014, bà H1 xây dựng nhà lại lấn chiếm qua phần đất của bà M và anh B như sau: Phần thứ nhất diện tích 22,4m$^2$ (M19, M2, M7, M20); Phần thứ hai là 5,9m$^2$ (M7, M9, M10, M5, M6) và thứ ba diện tích 19,4m$^2$ (M1, M19, M20, M8), anh B có gặp trực tiếp bà H1 trao đổi về việc lấn chiếm của bà M nhưng không giải quyết được nên ngay sau đó anh B gửi đơn đến xã Đ đến khoảng ngày 27/6/2014 thì địa chính xã có đến đo đạc, lập biên bản ghi nhận việc bà H1 xây cất nhà lấn chiếm của bà M và anh B, nhưng sau đó bà H1 vẫn cố tình xây cất nhà lấn chiếm; bà M, anh B tiếp tục khiếu nại đến xã, ấp nhưng hòa giải không thành nên bà M khởi kiện đến Tòa án như ngày hôm nay.

Nay anh B là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M đồng thời là người đại diện hợp pháp của các đương sự T, V, L1, H, T1 yêu cầu bà H1 trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khưu Thị M phần đất lấn chiếm là 47,7m$^2$ (Trong đó: M7, M9, M10, M5, M6 = 5,9m$^2$; M19, M2, M7, M20 = 22,4 m$^2$ và M1, M19, M20, M8 = 19,4m$^2$).

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Bà H1 đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a, diện tích được cấp trên giấy là 49m$^2$. Nguồn gốc thửa đất 185c này là do bà H1 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Q vào năm 1986 có chiều ngang là 4m, dài 10m, lúc chuyển nhượng có làm giấy tay với giá là 03 chỉ vàng 24k. Sau khi nhận chuyển nhượng đến khoảng năm 1990-1991 bà H1 đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a, diện tích được cấp trên giấy là 49m$^2$ (Đất thổ). Đồng thời vào năm 1986, bà H1 còn nhận chuyển nhượng thêm của ông Q phần đất phía sau theo như đo đạc của Tòa án là 41,8m$^2$ (Trong đó: M19, M2, M7, M20 = 22,4m$^2$ và M1, M19, M20, M8 = 19,4m$^2$) với giá là 05 phân vàng 24k, bà H1 và ông Q chỉ thỏa thuận chuyển

nhượng bằng lời nói không làm giấy tờ nên bà H1 không có chứng cứ để chứng minh. Khi mua đất của ông Q trên phần đất 49m$^2$ đã có nhà sẵn, bà H1 tháo dở cất lại nhà ở, đến khoảng năm 2014 bà H1 xây dựng lại nhà kiên cố thì anh B, bà M tranh chấp ranh với bà H1. Trong quá trình sử dụng thì bà H1 không có lấn chiếm đất của bà M và anh B như anh B trình bày. Đến năm 2016, anh B khởi kiện bà H1 đến Tòa án.

Nay bà H1 không đồng ý theo yêu cầu của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khưu Thị M.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử*:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Tuyết V về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị T2.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 185c, 185d, tờ bản đồ số 03a do bà Khưu Thị M đứng tên quyền sử dụng đất là:

Nối các điểm từ M5 đến M6 đến M7 đến M20 đến M19 thành các đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 185c, 185d, tờ bản đồ số 03a do bà Khưu Thị M đứng tên quyền sử dụng đất.

(*Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2017 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 21/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo*).

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

- Công nhận cho bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng diện tích đất 22,40m$^2$ (M19, M2, M7, M20 và M19).

Buộc bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ trả lại giá trị đất cho Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Tuyết V số tiền là 2.240.000 đồng (Hai triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng).

(*Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2017 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 21/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo*).

- Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị Tuyết V và bà Nguyễn Thị H1 phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và điều chỉnh diện tích đất như được công nhận.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2019, anh Nguyễn Thanh B là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và ngày 24/5/2019 bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L với nội dung:

- Anh Nguyễn Thanh B yêu cầu xét xử lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, phải có mặt một trong số các bị đơn.

- Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Yêu cầu giải quyết phần án phí, chi phí đo đạc theo quy định.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Anh Nguyễn Thanh B trình bày: Yêu cầu xét xử lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, phải có mặt một trong số các bị đơn; đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/10/2019 anh B yêu cầu định giá lại vì anh cho rằng giá của Hội đồng định giá sơ thẩm là không phù hợp với giá thị trường. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/11/2019 anh B chỉ yêu cầu bà H1 và chị T2 trả lại diện tích 22,4m$^2$ bị lấn chiếm; trường hợp đã xây dựng nhà kiên cố thì trả giá trị theo giá mới của Hội đồng định giá đã định ngày 05/11/2019.

Anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà H1 và chị T2 trình bày: Xác định diện tích tranh chấp 22,4m$^2$ giữa anh B với bà H1 là diện tích đất của bà H1 đã mua bằng lời nói với ông Nguyễn Văn Q nên không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh B; đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 22,4m$^2$ của bà M nên buộc bà H1 và chị T2 trả giá trị là phù hợp, có căn cứ. Tuy nhiên, anh B có yêu cầu định giá lại từ 100.000 đồng lên 129.000 đồng/m$^2$ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh B; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm; phải có mặt một trong số các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự, việc bà H1 và chị T2 đã có giấy ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Đ theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2019 (giai đoạn phúc thẩm), cũng như văn bản ủy quyền ngày 04/4/2019 (giai đoạn sơ thẩm) là đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu này của anh B.

Về nội dung vụ án, theo kết quả đo đạc hiện trạng diện tích đất bà H1 đang sử dụng không có tranh chấp là 54,90m$^2$ (Thừa 14,9m$^2$ so với quyền sử dụng đất của bà H1). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M yêu cầu hộ bà H1 trả lại diện tích lấn chiếm là 47,70m$^2$ là có cơ sở và phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, trong phần diện tích 47,70m$^2$ hộ bà H1 đang sử dụng có 22,4m$^2$ (M19, M2, M7, M20 và M19) cất nhà kiên cố, nếu buộc hộ bà H1 đập phần nhà này để trả đất thì sẽ gây thiệt hại phần nhà còn lại của bà H1 và gây thiệt hại lớn cho bà H1. Do đó, giao cho hộ bà H1 được tiếp tục sử dụng phần diện tích 22,4m$^2$ nhưng bà H1, chị T2 phải trả giá trị đất theo kết quả định giá lại ngày 05/11/2019 là 129.000 đồng/m$^2$ cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M là phù hợp nên chấp nhận.

Như vậy, bà H1, chị T2 có nghĩa vụ trả giá trị 22,4m$^2$ cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M với số tiền 2.889.600 đồng.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bà H1 xác nhận nguồn gốc đất là do bà mua của ông Nguyễn Văn Q vào năm 1986. Khi bà mua đất có làm giấy tay ngang 4,0m dài 10m với giá 3 chỉ vàng 24K. Sau đó bà có mua thêm của ông Q ngang 4,0m dài 4,5m với giá 5 phân vàng 24K. Tuy nhiên, bà H1 không có chứng cứ gì chứng minh. Đồng thời theo xác nhận của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Q xác nhận chỉ bán đất cho bà H1 một lần, diện tích ngang 4m dài 10m. ngoài ra không có bán hay cho bà H1 thêm phần đất nào khác điều này phù hợp với lời thừa nhận của bà H1 tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2015 và biên bản hòa giải ngày 25/6/2015 của Ban nhân dân ấp A, xã Đ bà H1 đều thừa nhận vào năm 1989 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Q diện tích ngang 4m, dài 10m.

- Theo Công văn số 45/UBND-NC, ngày 14/3/2018 của UBND huyện L, diện tích bà H1 được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a, là 40m$^2$. Theo kết quả đo đạc diện tích đất tranh chấp bà H1 đang sử dụng là 102,6m$^2$, thừa 62,6m$^2$.

- Do đó yêu cầu kháng cáo của bà H1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L không tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án của bà H1, chị T2 đối với tiền giá trị đất phải trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là thiếu sót nên Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

[5] Do chấp nhận yêu cầu định giá lại giai đoạn phúc thẩm của anh B nên bà H1, chị T2 phải nộp chi phí định giá lại 2.000.000 đồng. bà H1, chị T2 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh B số tiền trên vì anh B đã tạm ứng trước và chi xong.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Do yêu cầu kháng cáo của anh B được chấp nhận một phần nên anh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Do yêu cầu kháng cáo của bà H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1, khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh B;

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khưu Thị M gồm: Bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Tuyết V về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2.

4. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 185c, tờ bản đồ số 03a do bà Nguyễn Thị H1 đứng tên quyền sử dụng đất với thửa đất số 185c, 185d, tờ bản đồ số 03a do bà Khưu Thị M đứng tên quyền sử dụng đất là:

Nối các mốc: Từ M5 đến M6 đến M7 đến M20 đến M19 thành các đường thẳng là ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên.

(*Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2017 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 21/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo*).

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên được xác định từ không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng, các tài sản, vật kiến trúc có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dở, di dời.

5. Công nhận cho bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng diện tích đất 22,40m$^2$ (M19, M2, M7, M20 và M19).

(*Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2017 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 21/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo*).

Buộc bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ trả lại giá trị đất cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Tuyết V số tiền là 2.889.600 đồng (Hai triệu, tám trăm tám mươi ngàn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

6. Bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Tuyết V và bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị Thùy T, chị Nguyễn Thị Tuyết V được nhận lại 2.270.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 11279, ngày 08/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, định giá lại: Bà Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị T2 phải chịu 4.446.000 đồng; bà H1, chị T2 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh B số tiền trên vì anh B đã tạm ứng trước và chi xong.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002996 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

- Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002983 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

10. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Lê Hồng Nước**